

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KHỐI 6
HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2022 – 2023

MỤC LỤC

MÔN TOÁN 6.....	2
MÔN NGỮ VĂN 6	3
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN	4
MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ	22
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN.....	35
MÔN CÔNG NGHỆ 6.....	43
MÔN TIẾNG ANH 6	52

Trung Sơn Trầm, ngày tháng 3 năm 2023

KÝ DUYỆT CỦA BGH

MÔN TOÁN 6

I. PHẦN ĐẠI SỐ.

1. Một số yếu tố thống kê và xác suất thực nghiệm.
2. Phân số và số thập phân
3. Bài tập tổng hợp phân số và số thập phân: thực hiện phép tính theo thứ tự, tìm x , toán thực tế...

II. PHẦN HÌNH HỌC.

1. Điểm, đường thẳng và các bài toán và bài tập liên quan
2. Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song và các bài toán liên quan
3. Đoạn thẳng và các bài toán liên quan
4. Tia và các bài toán liên quan
5. Góc và các bài toán liên quan
6. Bài tập tổng hợp liên quan điểm, đường thẳng, góc, tia.

MÔN NGỮ VĂN 6

I. Đọc - Hiểu văn bản:

1. Truyện truyền thuyết.
2. Truyện cổ tích.

II. Thực hành tiếng Việt:

1. Nghĩa của từ ngữ.
2. Trạng ngữ.
3. Các biện pháp tu từ.

III. Viết:

1. Viết đoạn văn kết nối
2. Kể lại một truyện truyền thuyết, truyện cổ tích bằng lời của nhân vật chính.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I/ TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG

Câu 1. Thế giới sinh vật được chia vào các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự.

- A. Loài – chi – họ- bộ- lớp- ngành- giới.
- B. Loài – họ - chi - bộ- lớp – ngành - giới.
- C. Giới - ngành - bộ - lớp - họ - chi – loài.
- D. Giới - họ - lớp – ngành - bộ - họ - chi - loài.

Câu 2. Theo Whittaker phân loại thì có bao nhiêu giới sinh vật?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 3. Khi nói về virus, nhận định nào dưới đây là **không** chính xác?

- A. Có lối sống kí sinh
- B. Kích thước nhỏ hơn vi khuẩn
- C. Có cấu tạo tế bào
- D. Có hình thái và cấu trúc đa dạng: dạng khối, dạng que, dạng nòng nọc...

Câu 4. Khi cơ thể có các biểu hiện sốt, ho, đau họng, khó thở, mất khứu giác và vị giác, người đó có thể mắc bệnh gì?

- A. Bệnh sốt xuất huyết
- B. Bệnh lao
- C. Bệnh cúm
- D. Bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid19.

Câu 5. Vi khuẩn có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có cấu tạo đơn bào, luôn sống thành cặp, nhóm.
- B. Kích thước rất nhỏ bé, đã có nhân hoàn chỉnh.
- C. Có cấu tạo tế bào nhân sơ, kích thước rất nhỏ bé, chưa có nhân hoàn chỉnh, hình thái đa dạng (hình que, hình cầu, hình dấu phẩy, ...).
- D. Có cấu tạo đa bào, kích thước rất nhỏ bé, có nhân hoàn chỉnh, hình thái đa dạng (hình que, hình cầu, hình dấu phẩy, ...).

Câu 6. Tại sao nói vi khuẩn có hại?

- A. Có những vi khuẩn kí sinh trên cơ thể người, thực vật, động vật

- B. Nhiều vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thức ăn
- C. Vi khuẩn phân hủy rác rưởi gây mùi hôi thối, gây ô nhiễm môi trường
- D. Tất cả các phương án trên

-
- A. Rêu
C. Dương xỉ
- B. Thì là
D. Rau bợ

Câu 15. Khi nói về rêu, nhận định nào dưới đây là chính xác?

- A. Cấu tạo đơn bào
C. Không có khả năng hút nước
- B. Chưa có rễ chính thức
D. Thân có mạch dẫn

Câu 16. Rêu sinh sản bằng hình thức nào?

- A. Sinh sản bằng bào tử
C. Sinh sản bằng cách phân đôi
- B. Sinh sản bằng hạt
D. Sinh sản bằng cách nảy chồi

Câu 17. Dương xỉ sinh sản như thế nào?

- A. Sinh sản bằng cách nảy chồi
C. Sinh sản bằng bào tử
- B. Sinh sản bằng củ
D. Sinh sản bằng hạt

Câu 18. Cây nào dưới đây sinh sản bằng hạt?

- A. Trắc bách diệp
C. Rêu
- B. Bèo tổ ong
D. Rau bợ

Câu 19. Đặc điểm nào dưới đây, chỉ có ở thực vật hạt kín mà không có ở nhóm thực vật khác?

- A. Sinh sản bằng hạt
C. Thân có mạch dẫn
- B. Có hoa và quả
D. Sống chủ yếu ở cạn

Câu 20. Trong các nhóm thực vật dưới đây, nhóm nào có tổ chức cơ thể đơn giản nhất?

- A. hạt trần
C. rêu
- B. dương xỉ
D. hạt kín

Câu 21. Vì sao nói thực vật có vai trò bảo vệ đất và nguồn nước?

- A. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh
B. Tán cây cản bớt sức nước chảy do mưa lớn gây ra
C. Thực vật có hệ rễ phát triển mạch giữ đất, cản dòng chảy do mưa lớn gây ra, một phần nước mưa thấm dần xuống các lớp đất tạo thành nước ngầm
D. Tán lá cản bớt ánh sáng và tốc độ gió

Câu 22. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của thực vật trong việc làm giảm ô nhiễm môi trường?

- A. Cân bằng lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí

- B. Tán lá cây làm tăng nhiệt độ môi trường trong khu vực trời nắng gắt
 C. Một số cây tiết ra các chất có tác dụng tiêu diệt một số vi khuẩn gây bệnh
 D. Lá cây ngăn bụi và khí độc làm giảm ô nhiễm môi trường

Câu 23. Đặc điểm nào dưới đây là của ngành Ruột khoang?

- A. Đối xứng hai bên
 B. Đối xứng lưng – bụng
 C. Đối xứng tỏa tròn
 D. Đối xứng trước - sau

Câu 24. Ngành Ruột khoang gồm nhóm các đại diện nào dưới đây?

- A. Trùng giày, trùng roi, thủy tức, san hô
 B. Thủy tức, san hô, sứa, hải quỳ
 C. Thủy tức, hải quỳ, giun đất, giun đũa
 D. Thủy tức, san hô, trùng roi, giun đất

Câu 25. Đặc điểm nào dưới đây không phải của các ngành Giun ?

- A. Cơ thể dài
 B. Đối xứng hai bên
 C. Có lớp vỏ cứng bảo vệ cơ thể
 D. Phân biệt đầu thân

Câu 26. Vì sao khi mưa nhiều, trên mặt đất lại có nhiều giun đất?

- A. Vì giun đất chỉ sống được trong điều kiện độ ẩm đất thấp
 B. Vì nước ngập cơ thể nên chúng bị ngạt thở
 C. Vì nước mưa gây sập lún các hang giun trong đất
 D. Vì nước mưa làm trôi lớp đất xung quanh giun

Câu 27. Những đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của ngành Chân khớp ?

- (1) Có bộ xương ngoài bằng chất kitin
 (2) Cơ thể mềm, hình dạng khác nhau
 (3) Các chân phân đốt, có khớp động
 (4) Không có khả năng di chuyển

- A. (1), (2) B. (3), (4) C. (1), (3) D. (2), (4)

Câu 28. Thân mềm có những đặc điểm chung nào dưới đây ?

- (1) Phân bố ở nước ngọt
 (2) Cơ thể mềm, không phân đốt
 (3) Đa số có lớp vỏ cứng bên ngoài
 (4) Có khả năng di chuyển rất nhanh

- A. (1), (2) B. (1), (3) C. (3), (4) D. (2), (3)

Câu 29. Động vật có xương sống khác động vật không xương sống ở đặc điểm chính nào dưới đây?

- A. Đa dạng về số lượng loài và môi trường sống
B. Có nhiều hình dạng và kích thước khác nhau
C. Có bộ xương trong, trong đó có xương sống ở dọc lưng
D. Đa dạng về số lượng cá thể và đa dạng lối sống

Câu 30. Nhóm động vật nào dưới đây **không** thuộc động vật có xương sống?

- A. Thân mềm B. Chân khớp
C. Chim D. Ruột khoang

Câu 31. Hầu hết động vật lớp Thú có những đặc điểm nào sau đây?

- (1) Lông mao bao phủ khắp cơ thể
(2) Đi bằng 2 chân
(3) Đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ
(4) Có răng

- A. (1), (2), (3) B. (1), (2), (4)
C. (1), (3), (4) D. (2), (3), (4)

Câu 32. Động vật lớp Chim có những đặc điểm nào sau đây?

- (1) Lông vũ bao phủ cơ thể
(2) Đi bằng hai chân, chi trước biến đổi thành cánh
(3) Đẻ trứng
(4) Tất cả loài chim đều biết bay

- A. (1), (2), (3) B. (1), (2), (4)
C. (1), (3), (4) D. (2), (3), (4)

Câu 33. Những tiêu chí nào dưới đây biểu thị sự đa dạng sinh học?

- (1) Đa dạng khí hậu, thời tiết
(2) Số lượng cá thể của mỗi loài
(3) Đa dạng môi trường sống
(4) Số lượng loài

- A. (1), (2), (3) B. (1), (2), (4)
C. (1), (3), (4) D. (2), (3), (4)

Câu 34. Trong tự nhiên, đa dạng sinh học có những vai trò nào sau đây?

- (1) bảo vệ các tài nguyên đất, nước....
- (2) điều hòa khí hậu
- (3) phân hủy chất thải
- (4) cung cấp vật liệu cho xây dựng
- (5) làm chỗ ở cho các loài sinh vật khác

A. (1), (2), (3) và (4)

B. (2), (3), (4) và (5)

C. (1), (2), (3) và (5)

D. (1), (2), (4) và (5)

Câu 35. Khi nói đến các biện pháp bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, những biện pháp nào dưới đây là đúng?

- (1) Xây dựng các đường giao thông, đô thị và khu công nghiệp
- (2) Ban hành các luật và chính sách nhằm ngăn chặn phá rừng, cấm săn bắt bừa bãi các loài động vật quý hiếm
- (3) Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về bảo tồn đa dạng sinh học
- (4) Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia

A. (1), (2), (3)

B. (1), (2), (4)

C. (1), (3), (4)

D. (2), (3), (4)

CHỦ ĐỀ 9: LỰC

Câu 36. Lực là:

- A. Tác dụng đẩy của vật này lên vật khác
- B. Tác dụng kéo của vật này lên vật khác
- C. Tác dụng đẩy hoặc kéo của vật này lên vật khác.
- D. Tác dụng đẩy hoặc kéo của cùng một vật.

Câu 37. Một cầu thủ đá vào trái banh tức là cầu thủ đã tác dụng vào trái banh một lực:

A. Kéo

B. Đẩy

C. Hút

D. Đàn hồi

Câu 38. Lực tác dụng của một nam châm lên một mẫu thép đặt gần nó là lực:

A. Kéo

B. Đẩy

C. Hút

D. Đàn hồi

Câu 39. Khi bơi, ta nổi được trên mặt nước là do:

- A. Lực đẩy của nước mạnh hơn sức nặng (trọng lực) của cơ thể ta
- B. Lực đẩy của nước yếu hơn sức nặng (trọng lực) của cơ thể ta
- C. Lực đẩy của nước cân bằng với sức nặng (trọng lực) của cơ thể ta
- D. Không có lực nào tác dụng vào

Câu 40. Dùng búa đóng một chiếc đinh vào tường, lực nào đã làm cho đinh chuyển động vào tường?

- A. Lực của búa tác dụng vào đinh.
- B. Lực của tường tác dụng vào đinh.
- C. Lực của đinh tác dụng vào búa.
- D. Lực của búa tác dụng vào tường.

Câu 41. Trường hợp nào sau đây vật không bị biến dạng khi chịu tác dụng của lực?

- A. Cửa kính bị vỡ khi va đập mạnh
- B. Đất xốp khi được cày xới cẩn thận
- C. Viên bi sắt bị búng và lăn về phía trước
- D. Tờ giấy bị nhàu khi ta vò nó lại

Câu 42. Bên ngoài vỏ hộp bánh có ghi 500g. Con số 500g được ghi trên hộp chỉ:

- | | |
|----------------------------------|----------------------------|
| A. Thể tích của hộp bánh | B. Sức nặng của hộp bánh |
| C. Khối lượng của bánh trong hộp | D. Số lượng bánh trong hộp |

Câu 43. Trọng lực là

- A. lực đẩy của vật tác dụng lên Trái Đất
- B. lực hút giữa vật này tác dụng lên vật kia.
- C. lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.
- D. lực đẩy của Trái Đất tác dụng lên vật.

Câu 44. Nếu treo một vật có khối lượng là 300g vào một sợi dây cao su thì khi đã đứng yên quả cân chịu tác dụng

- A. của trọng lực có độ lớn 3N.
- B. của trọng lực có độ lớn 30N.
- C. của trọng lực có độ lớn 3N và lực đàn hồi độ lớn 3N.
- D. của trọng lực có độ lớn 30N và lực đàn hồi độ lớn 30N.

Câu 45. Trọng lực có phương và chiều:

- A. Phương ngang, chiều từ trái sang phải
- B. Phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới
- C. Không theo phương và chiều nào cả
- D. Phương ngang, chiều từ dưới lên trên

Câu 46. Đây là kí hiệu của trọng lượng:

- A. P
- B. v
- C. F
- D. m

Câu 47. Nếu đem so sánh một quả bưởi 1kg và một tập giấy 1kg thì

- A. Tập giấy có khối lượng lớn hơn
- B. Quả bưởi có trọng lượng lớn hơn
- C. Quả bưởi và tập giấy có trọng lượng bằng nhau
- D. Quả bưởi và tập giấy có thể tích bằng nhau

Câu 48. Kết luận nào sau đây là *sai* khi nói về trọng lượng của vật?

- A. Trọng lượng của vật tỉ lệ với khối lượng của vật
- B. Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích vật
- C. Có thể xác định trọng lượng của vật bằng lực kế
- D. Trọng lượng của vật là độ lớn của trọng lực tác dụng lên vật

Câu 49. Cho 3 đại lượng: trọng lượng, khối lượng, lực. Niu tơn (N) là đơn vị đo của đại lượng nào?

- A. Khối lượng
- B. Trọng lượng
- C. Lực
- D. B và C

Câu 50. Một ô tô có khối lượng 5 tấn thì trọng lượng của ô tô là:

- A. 5N
- B. 500N
- C. 5000N
- D. 50 000N

Câu 51. Lực tiếp xúc là gì?

- A. Là lực có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới
- B. Là lực xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật chịu lực tác dụng.
- C. Là lực xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật chịu lực tác dụng
- D. Là lực hút các vật khác

Câu 52. Lực không tiếp xúc là gì?

- A. Là lực có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới
- B. Là lực xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật chịu lực tác dụng.
- C. Là lực xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật chịu lực tác dụng

D. Tất cả các đáp A, B, C đều sai

Câu 53. Lực nào sau đây là lực tiếp xúc?

- A. Lực của Trái Đất tác dụng lên bóng đèn treo trên trần nhà.
- B. Lực của nam châm hút thanh sắt đặt cách nó một đoạn.
- C. Lực của lò xo tác dụng vào quả cân khi treo quả cân vào lò xo.
- D. Lực hút giữa Trái Đất và Mặt Trăng.

Câu 54. Lực nào sau đây là lực không tiếp xúc?

- A. Lực chân đá vào quả bóng.
- B. Lực tay tác dụng để mở cánh cửa.
- C. Lực Trái Đất tác dụng lên cái cốc đặt trên bàn.
- D. Lực gió tác dụng lên cánh buồm.

Câu 55. Lực không tiếp xúc gây ra sự việc nào sau đây?

- A. Vận động viên nâng tạ.
- B. Người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sân.
- C. Giọt mưa đang rơi.
- D. Bắn Na đóng đinh vào tường.

Câu 56. Lực tiếp xúc xuất hiện trong sự việc nào sau đây?

- A. Dùng tay nâng quyển sách lên khỏi bàn
- B. Quả ổi rơi từ trên cây xuống
- C. Đưa thanh nam châm lại gần viên bi sắt.
- D. Lực Trái Đất tác dụng lên quyển sách đặt trên bàn

Câu 57. Câu nào sau đây là **sai**?

- A. Trọng lực có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.
- B. Quả táo rơi từ trên cây xuống do lực tiếp xúc tác dụng.
- C. Lực tiếp xúc là lực xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật.
- D. Bạn Lan dùng tay bẻ cong chiếc thước nhựa là do lực của tay tiếp xúc và tác động vào chiếc thước.

Câu 58. Lực kế là dụng cụ dùng để đo:

- A. khối lượng. B. thời gian. C. lực. D. độ dài.
- D. Lực kế là dụng cụ dùng để đo cả trọng lượng và khối lượng.

Câu 59. Hãy chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: Độ dẫn của lò xo treo theo phương thẳng đứng với khối lượng vật treo.

- A. không tỉ lệ. B. tỉ lệ. C. bằng. D. lớn hơn.

Câu 60. Vật nào dưới đây có thể có biến dạng đàn hồi?

- A. Cục đá. B. Sợi dây nhôm. C. Lò xo xoắn. D. Quả táo.

Câu 61. Trên một lực kế có ghi 5N. Từ vạch số 0 đến vạch số 1 chia làm 10 phần. Vậy giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của lực kế là:

- A. 5N; 0,5N. B. 5N; 1N. C. 5N; 0,1N. D. 5N; 0,2N.

Câu 62. Móc vật vào lực kế kéo vật từ từ lên theo phương thẳng đứng, số chỉ của lực kế là 3,2 N. Độ chia nhỏ nhất thích hợp của lực kế này là:

- A. 0,5N. B. 0,01N. C. 0,3N. D. 0,1N.

Câu 63. Hãy sắp xếp **đúng** các bước đo lực bằng lực kế?

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| 1. Hiệu chỉnh lực kế; | 2. Lựa chọn lực kế phù hợp; |
| 3. Ước lượng giá trị lực cần đo; | 4. Đọc và ghi kết quả đo. |
| 5. Thực hiện phép đo; | |

- A. 3; 2; 1; 5; 4. B. 2; 1; 3; 5; 4.
C. 2; 1; 3; 4; 5. D. 3; 2; 1; 4; 5.

Câu 64. Một lò xo có chiều dài tự nhiên 10cm được treo thẳng đứng, đầu dưới của lò xo gắn một quả nặng có khối lượng 40g. Khi quả nặng cân bằng thì lò xo có chiều dài 12cm. Cho rằng độ dẫn của lò xo tỉ lệ thuận với khối lượng vật treo. Khi treo quả nặng có khối lượng 80g vào lò xo thì chiều dài của lò xo là bao nhiêu?

- A. 12cm. B. 14cm. C. 18cm. D. 20cm.

Câu 65. Một lò xo xoắn có độ dài ban đầu là 20cm. Khi treo một quả cân, độ dài của lò xo là 22cm. Nếu treo ba quả cân như thế thì lò xo bị dẫn ra so với ban đầu một đoạn là:

- A. 4cm. B. 6cm. C. 24cm. D. 26cm.

Câu 66. Khi treo một quả cân có khối lượng 0,1 kg vào lò xo xoắn thì lò xo dẫn ra một đoạn 5cm. Để lò xo dẫn ra thêm một đoạn 20cm thì cần treo vật có khối lượng là bao nhiêu?

- A. 2kg. B. 1kg. C. 0,5kg. D. 0,4kg.

Câu 67. Treo một vật có khối lượng m vào một lò xo có chiều dài tự nhiên ban đầu là l_0 thì lò xo dãn ra một đoạn 4cm. Nếu treo một vật có khối lượng 0,6kg thì lò xo dãn thêm một đoạn 6cm. Khối lượng của vật ban đầu là:
A. 0,4kg. B. 4kg. C. 5kg. D. 0,5kg.

Câu 68. Lực nào sau đây **không** phải là lực ma sát?
A. Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên mặt đường.
B. Lực xuất hiện khi lốp xe đạp lăn trên mặt đường.
C. Lực của dây cung tác dụng lên mũi tên khi bắn.
D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ xát với nhau.

Câu 69. Chọn kết luận **đúng** trong các câu sau:
A. Lực ma sát chỉ sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt của một vật khác
B. Lực ma sát chỉ sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt của một vật khác
C. Lực ma sát xuất hiện khi một vật đứng yên trên bề mặt vật khác
D. Lực ma sát có thể có hại hoặc có ích.

Câu 70. Trong trường hợp nào xuất hiện lực ma sát nghỉ:
A. Khi người đi trên sàn nhà trơn bị trượt ngã
B. Khi ta đẩy bàn trên sàn nhà mà bàn vẫn đứng yên.
C. Khi đẩy tủ có bánh xe lăn trên mặt sàn
D. Khi quả dừa rơi từ trên cây xuống

Câu 71. Chỉ ra kết luận **sai** trong các câu sau:
A. Lực ma sát xuất hiện ở giữa má phanh xe đạp và vành xe khi phanh là có hại.
B. Lực ma sát xuất ở nơi tiếp xúc giữa que diêm và vỏ bao là có ích
C. Lực ma sát xuất hiện ở nơi tiếp xúc giữa đinh và tường là có ích
D. Lực ma sát xuất hiện giữa tay và cán dao là có ích

Câu 72. Ở trường hợp nào dưới đây, lực ma sát **có hại**?
A. Dùng tay không rất khó bắt và giữ chặt được một con lươn còn sống.
B. Ma sát làm nóng và làm mòn những bộ phận chuyển động của máy móc
C. Trời mưa, trên đường nhựa đi xe đạp dễ bị ngã
D. Tất cả các trường hợp trên ma sát đều có hại.

Câu 73. Hãy chọn câu phát biểu **đúng**:

- A. Xe ô tô chạy trên mặt đất mềm rất dễ bị sa lầy(lún) vì ma sát giữa bánh xe và mặt đường nhỏ
- B. Mặt lốp xe máy cày, máy kéo có khía rãnh sâu để giảm ma sát khi di chuyển trên những đoạn đường đất mềm.
- C. Khi quẹt diêm, nếu không có ma sát, đầu que diêm sẽ bị trượt trên mặt sườn của bao diêm nên không phát ra lửa
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 74. Cách nào sau đây làm giảm được ma sát?

- A. Vừa tăng độ nhám vừa tăng diện tích của bề mặt tiếp xúc.
- B. Tăng độ nhẵn giữa các bề mặt tiếp xúc.
- C. Tăng độ nhám giữa các bề mặt tiếp xúc.
- D. Tăng diện tích bề mặt tiếp xúc.

Câu 75. Trong trường hợp nào sau đây ma sát *có lợi*?

- A. Ma sát giữa đế giày và mặt đất làm mòn đế giày
- B. Khi máy vận hành, ma sát giữa các ổ trục các bánh răng làm máy móc sẽ bị mòn đi.
- C. Khi kéo co, lực ma sát giữa chân của vận động viên với mặt đất, giữa tay của vận động viên với sợi dây kéo.
- D. Ma sát giữa cái tủ và mặt sàn khi ta di chuyển tủ đến vị trí khác

CHỦ ĐỀ 10: NĂNG LƯỢNG VÀ CUỘC SỐNG

Câu 76. Năng lượng của một vật có được do chuyển động gọi là?

- | | |
|-------------|---------------|
| A. Hoá năng | B. Động năng |
| C. Thế năng | D. Nhiệt năng |

Câu 77. Những vật nào sau đây khi biến dạng sẽ có năng lượng là thế năng đàn hồi?

- | | |
|------------------|---------------------|
| A. Viên đất sét. | B. Quả bóng cao su. |
| C. Viên gạch. | D. Quả cam. |

Câu 78. Ta trực tiếp nhận biết được một vật có thế năng hấp dẫn khi vật đó có đặc điểm nào?

- | | |
|--|---------------------------|
| A. Vật đó có quá trình biến đổi hóa học. | B. Vật đó nằm ở trên cao. |
| C. Vật đó chuyển động. | D. Vật bị biến dạng. |

Câu 79. Năng lượng do quá trình biến đổi hóa học tạo ra gọi là?

- A. Hoá năng
- B. Động năng
- C. Thế năng
- D. Nhiệt năng

Câu 80. Dạng năng lượng nào sau đây **không** phải là năng lượng tái tạo?

- A. Năng lượng thủy triều.
- B. Năng lượng Mặt Trời.
- C. Năng lượng từ khí đốt.
- D. Năng lượng từ gió.

Câu 81. Dạng năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo?

- A. Năng lượng thủy triều
- B. Năng lượng từ dầu mỏ
- C. Năng lượng từ khí đốt
- D. Năng lượng từ than đá

Câu 82. Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một khúc gỗ trượt có ma sát từ trên mặt phẳng nghiêng xuống?

- A. Nhiệt năng, động năng và thế năng.
- B. Chỉ có nhiệt năng và động năng,
- C. Chỉ có động năng và thế năng.
- D. Chỉ có động năng.

Câu 83. Vật nào sau đây không có động năng?

- A. Quả bóng lăn trên mặt sân cỏ.
- B. Hòn bi nằm yên trên sàn nhà.
- C. Viên đạn đang bay đến mục tiêu.
- D. Ô tô đang chuyển động trên đường.

Câu 84. Những dạng năng lượng nào xuất hiện khi một chiếc máy bay đang bay trên trời cao?

- A. Chỉ có động năng.
- B. Chỉ có thế năng.
- C. Có động năng và thế năng.
- D. Có động năng, thế năng và nhiệt năng.

Câu 85. Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một em bé trượt từ trên cầu trượt xuống đất?

- A. Chỉ có động năng.
- B. Chỉ có thế năng.
- C. Có cả động năng và thế năng.

D. Có cả động năng, thế năng và nhiệt năng.

Câu 86. Một chiếc máy bay đang bay trên bầu trời. Những dạng năng lượng mà máy bay có được là?

- A. Thế năng đàn hồi
- B. Động năng và thế năng đàn hồi
- C. Động năng và thế năng hấp dẫn
- D. Thế năng đàn hồi và thế năng hấp dẫn.

Câu 87. Một quả bóng đang nằm yên trên sân cỏ. Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Quả bóng đang có thế năng hấp dẫn vì nó được làm bằng cao su.
- B. Quả bóng đang có động năng vì các cầu thủ sắp đá nó.
- C. Quả bóng đang có thế năng đàn hồi vì khi bị đá nó sẽ biến dạng.
- D. Quả bóng đang không có năng lượng vì nó đứng yên trên mặt đất và không biến dạng đàn hồi.

Câu 88. Khi ô tô động cơ nhiệt chạy thì có sự chuyển hóa?

- A. Cơ năng thành nhiệt năng.
- B. Điện năng thành động năng.
- C. Nhiệt năng thành điện năng.
- D. Hóa năng thành động năng.

Câu 89. Khi bếp điện hoạt động thì có sự chuyển hóa?

- A. Cơ năng thành nhiệt năng.
- B. Điện năng thành nhiệt năng.
- C. Nhiệt năng thành điện năng.
- D. Điện năng thành cơ năng.

Câu 90. Xe máy điện hoạt động được là do có sự chuyển hóa?

- A. Cơ năng thành nhiệt năng.
- B. Điện năng thành nhiệt năng.
- C. Nhiệt năng thành điện năng.
- D. Hóa năng thành cơ năng.

Câu 91. Trong các quá trình biến đổi từ động năng sang thế năng và ngược lại, cơ năng thay đổi ra sao?

- A. Luôn được bảo toàn.
- B. Luôn tăng thêm.
- C. Luôn bị hao hụt.
- D. Tăng giảm liên tục.

Câu 92. Trong quá trình hoạt động của quạt điện, điện năng được chuyển hóa thành phần năng lượng có ích là cơ năng, một phần chuyển hóa thành năng lượng hao phí đó là?

- A. Nhiệt năng.
- B. Động năng.

C. Hóa năng.

D. Cơ năng.

Câu 93. Trong các dụng cụ và thiết bị điện sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành nhiệt năng?

A. Quạt máy.

B. Máy bơm nước.

C. Máy khoan.

D. Bàn là điện.

Câu 94. Điều nào sau đây là đúng với định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng?

(1) Năng lượng có thể được chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.

(2) Nó có thể được sinh ra.

Chọn đáp án đúng trong số các đáp án dưới đây?

A. Chỉ (1) đúng.

B. Chỉ (2) đúng.

C. Cả (1) và (2) đều đúng.

D. Không có ý nào đúng.

Câu 95. Điều nào sau đây là đúng?

A. Năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác.

B. Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.

C. Khi năng lượng truyền từ vật này sang vật khác hoặc chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác luôn xuất hiện năng lượng hao phí.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 96. Hoạt động nào sau đây là sử dụng năng lượng không hiệu quả?

A. Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.

B. Sử dụng nước sinh hoạt với một lượng vừa đủ nhu cầu.

C. Dùng máy giặt khi có đủ lượng quần áo để giặt.

D. Bật điều hòa ở mức dưới 20°C .

Câu 97. Khi máy bơm nước hoạt động. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành nhiệt năng của máy bơm.

B. Toàn bộ điện năng chuyển hóa thành động năng của máy bơm.

C. Phần lớn năng lượng có ích thu được cuối cùng bao giờ cũng lớn hơn phần năng lượng ban đầu cung cấp cho máy bơm.

D. Phần năng lượng hao hụt biến đổi thành nhiệt năng tỏa ra môi trường xung quanh.

Câu 98. Khi đồng hồ treo tường hoạt động, dạng năng lượng nào đã chuyển hóa thành dạng năng lượng cho đồng hồ chạy?

- A. Nhiệt năng. B. Động năng.
C. Hóa năng. D. Cơ năng.

Câu 99. Khi máy khoan bê tông hoạt động, điện năng cung cấp cho máy đã chuyển hóa thành những dạng năng lượng nào?

- A. Động năng và nhiệt năng. B. Động năng và quang năng.
C. Thế năng và hóa năng. D. Nhiệt năng và thế năng.

Câu 100. Những hoạt động sử dụng năng lượng nào sau đây là hiệu quả?

- A. Dùng bếp đun cải tiến
B. Sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời
C. Không để thực phẩm có nhiệt độ vào trong tủ lạnh
D. Cả A, B, C đều đúng.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Ghép tên các giới ở cột A với các đặc điểm tương ứng ở cột B

Giới	Đặc điểm
1. Khởi sinh	a. Cơ thể đa bào, nhân thực, tự dưỡng.
2. Nguyên sinh	b. Cơ thể đơn bào hoặc đa bào, nhân thực, dị dưỡng.
3. Nấm	c. Cơ thể đa bào, nhân thực, dị dưỡng.
4. Thực vật	d. Phần lớn cơ thể đơn bào, nhân thực.
5. Động vật	e. Cơ thể đơn bào, nhân sơ.

Câu 2. Viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 5-7 câu:

- a. Miêu tả Trái đất khi thực vật không còn tồn tại để làm rõ tầm quan trọng của thực vật đối với sự sống trên Trái đất?

Câu 3. Tại sao một vận động viên khi nhảy trên một tấm thảm đàn hồi thì có thể nhảy cao hơn so với bình thường (khi nhảy trên mặt phẳng cứng)?

Câu 4. Theo dự đoán của các nhà khoa học, đến năm 2025, hai nguồn năng lượng của Việt Nam là than và dầu khí sẽ bị cạn kiệt. Theo em, điều gì sẽ xảy ra khi đó?

Em hãy nêu ít nhất 3 biện pháp để tiết kiệm năng lượng điện năng trong trường học?

Câu 5. Hiện nay, nước Đức đang là quốc gia sử dụng nhiều năng lượng từ Mặt Trời nhất trên thế giới. Em có suy nghĩ gì về việc sử dụng năng lượng này thay thế cho năng lượng từ dầu mỏ và than đá?

Câu 6. Lựa chọn biện pháp phù hợp để tiết kiệm năng lượng cho gia đình và xã hội:

Nội dung	Nên	Không nên
Phơi quần áo tự nhiên dưới ánh nắng thay cho việc sấy ủi bằng máy móc.		
Thay các bóng đèn dây tóc bằng bóng đèn Led.		
Sử dụng hết các thiết bị điện trong giờ cao điểm.		
Sử dụng các vật dụng (chai, lọ, giấy cũ...) để tạo thành đồ tái chế phục vụ cho cuộc sống.		
Sử dụng hệ thống cảm biến tự động để tắt mở đèn khi có người		

Bài 7. Một tàu hỏa chạy với lực kéo F của đầu tàu là 800 N, đi từ bên trái sang bên phải. Biểu diễn lực kéo của đầu tàu với tỉ lệ xích 1cm ứng với 200N.

Bài 8. Hãy so sánh trọng lượng của hòn gạch có khối lượng 2kg với trọng lượng của hòn đá có khối lượng 10kg?

Bài 9. Nối mỗi mệnh đề ở cột A với mỗi mệnh đề ở cột B sao cho thành một câu **đúng**.

Cột A	Cột B
1. Dụng cụ dùng để đo khối lượng là	a. lực kế
2. Dụng cụ dùng để đo thể tích là	b. thước
3. Dụng cụ dùng để đo lực là	c. cân
4. Dụng cụ dùng để đo chiều dài là	d. bình chia độ, bình tràn

Bài 10. Khi treo một quả nặng 0,5kg vào một lò xo, làm nó giãn ra 5cm. Khi lò xo giãn ra một đoạn 3cm thì quả nặng treo vào lò xo có trọng lượng là bao nhiêu?

Bài 11. Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới gắn với một quả cân 100g thì lò xo có độ dài là 11 cm, nếu thay bằng quả cân 200g thì lò xo có độ dài là 11,5 cm. Hỏi nếu treo quả cân 500 g thì lò xo có độ dài bằng bao nhiêu?

Bài 12. Quan sát sự rơi của chiếc lá và viên phấn. Chiếc lá và viên phấn rơi như thế nào? Vì sao?

MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

PHẦN LỊCH SỬ

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Xã hội Việt Nam dưới thời Bắc thuộc xuất hiện những tầng lớp mới nào?

- A. Lạc hầu, địa chủ người Hán.
- B. Lạc tướng, hào trưởng người Việt.
- C. Lạc dân, nông dân lệ thuộc.
- D. Địa chủ Hán, nông dân lệ thuộc.

Câu 2. Mục tiêu chung của cả cuộc khởi nghĩa do người Việt phát động trong thời kì Bắc thuộc là

- A. giành quyền dân sinh.
- B. chức tiết độ sứ.
- C. độc lập dân tộc.
- D. độc lập, tự chủ.

Câu 3. Dưới thời Bắc thuộc, người Việt đã sử dụng phổ biến công cụ lao động bằng

- A. đồng đỏ.
- B. Sắt.
- C. đồng thau.
- D. thiếc.

Câu 4. Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là:

- A. Lật đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, tự chủ.
- B. Quân Tô Định phải rút chạy về nước.
- C. Trưng Trắc lên làm vua đóng đô ở Mê Linh.
- D. Đánh tan quân của Mã Viện.

Câu 5. Sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân gắn liền với cuộc khởi nghĩa của

- A. Hai Bà Trưng.
- B. Phùng Hưng.
- C. Lý Bí.
- D. Mai Thúc Loan.

Câu 6. Lễ hội Cổ Loa được tổ chức tại khu di tích thành Cổ Loa (Đông Anh- Hà Nội) với mục đích gì?

- A. Tưởng nhớ công lao của An Dương Vương.
- B. Thể hiện đạo lí “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”
- C. Phục dựng lại cuộc chiến đấu chống quân xâm lược.

D. Tưởng nhớ công lao của An Dương Vương và thể hiện đạo lý” “Uống nước nhớ nguồn”

Câu 7. Các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đưa người Hán sang sinh sống lâu dài ở nước ta nhằm mục đích gì?

- A. Nâng cao đời sống văn hóa cho người Việt.
- B. Làm phong phú thêm nền văn hóa cho người Việt.
- C. Đồng hóa về văn hóa đối với người Việt.
- D. Biến nước ta trở thành một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc.

Câu 8. Về ngôn ngữ, trong thời Bắc thuộc, người Việt vẫn giữ được những yếu tố của tiếng Việt truyền thống, đồng thời tiếp thu thêm.

- A. nhiều lớp từ Hán và chữ Hán.
- B. chữ La-tin
- B. chữ Phạn.
- D. chữ Chăm Cổ.

Câu 9. Dưới thời Bắc thuộc, các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách bóc lột về kinh tế đối với người Việt:

- A. Thu mua lương thực, lâm sản, hương liệu quý.
- B. Thu tô thuế, bắt công nạp sản vật, nắm độc quyền về lúa gạo.
- C. Vơ vét sản vật, bắt dân đi lao dịch, nắm độc quyền buôn bán rượu.
- D. Thu tô thuế, bắt công nạp sản vật, nắm độc quyền về sắt và muối.

Câu 10. Dưới thời Bắc thuộc, tư tưởng, tôn giáo nào được tiếp nhận một cách tự nhiên cùng với văn hóa truyền thống của người Việt?

- A. Phật giáo và Nho giáo.
- B. Phật giáo và thiên chúa giáo.
- C. Nho giáo và Thiên chúa giáo.
- D. Đạo giáo và thiên chúa giáo.

Câu 11. Ai là người đã tự xưng là Tiết độ sứ năm 905?

- A. Khúc Hạo.
- B. Khúc Thừa Dụ.
- C. Dương Đình Nghệ.
- D. Ngô Quyền.

Câu 12. Người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và giành thắng lợi năm 931 là

- A. Dương Đình Nghệ.
- B. Ngô Quyền.
- C. Khúc Thừa Dụ.
- D. Khúc Hạo.

Câu 13. Ngô Quyền đã chủ động lên kế hoạch chống quân Nam Hán ở

- A. Vùng đầm Dạ Trạch. B. Thành Đại La.
C. Cửa biển Bạch Đằng. D. Cửa sông Tô Lịch.

Câu 14. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời bắc thuộc, mở ra thời kì

- A. tự do, tự chủ lâu dài của dân tộc.
B. độc lập tự chủ trong thời gian ngắn.
C. đấu tranh giành quyền độc lập, tự chủ.
D. độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc.

Câu 15. Tầng lớp nào có khả năng lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa chống phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Hào trưởng B. Nông dân. C. Nô tì. D. Nô lệ.

Câu 16. Khởi nghĩa Bà Triệu chống lại quân đô hộ nào?

- A. Hán. B. Ngô. C. Tùy. D.

Đường.

Câu 17. “Tôi muốn cưới cơn gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người”. Câu nói này của nhân vật lịch sử nào?

- A. Trưng Trắc. B. Trưng Nhị. C. Bà Triệu. D. Mị Châu

Câu 18. Cùng với việc đặt nhiều thứ thuế, nhà Ngô còn làm gì?

- A. Bắt hàng nghìn thợ thủ công giỏi đem về Trung Quốc.
B. Bắt hàng nghìn mi nhân đưa về Trung Quốc.
C. Bắt hàng nghìn trai tráng đưa về nước.
D. Bắt hàng nghìn em bé đưa về nước.

Câu 19. Nguyên nhân chính nào đã dẫn tới bùng nổ cuộc khởi nghĩa Lý Bí?

- A. Nhân dân hoang mang lo sợ trước chính sách cai trị của phương Bắc.
B. Nhân dân oán giận chế độ bóc lột hà khắc của nhà Lương.
C. Phong kiến phương Bắc đã hoàn thiện chính sách đồng hóa về văn hóa.

D. Nhân dân giành được nhiều thắng lợi vang dội trong cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc.

Câu 20. tên nước Vạn Xuân phản ánh khát vọng gì của Lý Bí?

- A. Mong muốn về một đất nước, hùng cường và trường tồn mãi mãi.
- B. Thể hiện ý thức chủ quyền dân tộc của người Việt.
- C. Thể hiện niềm tự hào dân tộc đối với phong kiến phương Bắc.
- D. Khát vọng xây dựng nước Việt hùng mạnh hơn Trung Quốc.

Câu 21. Sau khi cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi Lý Bí đã làm gì?

- A. Lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân.
- B. Dời đô về vùng cửa sông Tô Lịch.
- C. Truyền ngôi cho Lý Phật Tử.
- D. Trao quyền cho Triệu Quang Phục.

Câu 22. Cuộc khởi nghĩa đầu tiên bùng nổ trong thời kì Bắc thuộc do ai lãnh đạo?

- A. Bà Triệu.
- B. Hai Bà Trưng.
- C. Lý Bí.
- D. Mai Thúc Loan

Câu 23. Nghĩa quân Mai Thúc Loan tiến ra Bắc, đánh chiếm và làm chủ thành:

- A. Tống Bình.
- B. Long Biên.
- C. Đại La.
- D. Vạn An.

Câu 24. Trưng Trắc, Trưng Nhị là:

- A. Hào trưởng lớn ở vùng Quan Yên, quận Cửu Chân (tỉnh Thanh Hóa ngày nay)
- B. Con gái Lạc tướng huyện Mê Linh.
- C. Làm quan nhỏ ở xứ Kinh Bắc (Tỉnh Thái Nguyên ngày nay)
- D. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, quê ở Hoan Châu(tỉnh Hà Tĩnh ngày nay)

Câu 25. Ai là người được mệnh danh là Bố Cái Đại Vương?

- A. Phùng An.
- B. Mai Thúc Loan.
- C. Phùng Hưng.
- D. Phùng Hải.

Câu 26. Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của người Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra loại chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Nôm. B. Chữ hình Nôm.
C. Chữ Quốc ngữ. D. Chữ Phạn.

Câu 27. Vũ khí đặc sắc của người Việt cổ thời Âu Lạc là

- A. nỏ Liên Châu. B. súng thần cơ.
C. ngư lôi. D. súng trường.

Câu 28. Khi không chống đỡ nổi cuộc đàn áp của nhà Lương vào năm 545, Lý Nam Đế đã có hành động gì?

- A. Tự sát để bảo toàn khí tiết.
B. Đầu hàng nhà Lương.
C. Chủ động giảng hòa để bảo toàn lực lượng.
D. Chủ động rút lui, trao quyền cho Triệu Quang Phục.

Câu 29. Năm 542, Lý Bí đã lãnh đạo người Việt nổi dậy khởi nghĩa đánh tan quân xâm lược nào?

- A. Đông Hán. B. Triệu. C. Lương. D. Nam Hán.

Câu 30. Năm 544 đánh dấu sự ra đời của nhà nước

- A. Vạn Xuân. B. Văn Lang. C. Âu Lạc. D. Đại Cồ Việt.

B. TỰ LUẬN.

Câu 31. Trình bày sự ra đời của nước Văn Lang? Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào?

Câu 32. Trình bày nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Câu 33. Trình bày nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lý Bí?

PHẦN II: ĐỊA LÍ

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 34. Dòng biển nào sau đây là dòng biển lạnh?

- A. Dòng biển Bra-xin. B. Dòng biển Gon-xtrim.
C. Dòng biển Pê-ru. D. Dòng biển Đông Úc.

Câu 35. Hãy cho biết nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 36. Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

- A. Dòng biển. B. Sóng ngầm.
C. Sóng biển. D. Thủy triều.

Câu 37. Nguyên nhân chủ yếu gây ra sóng thần là do?

- A. Động đất ngầm dưới đáy biển.
B. Sự thay đổi áp suất của khí quyển.
C. Chuyển động của dòng khí xoáy.
D. Bão, lốc xoáy.

Câu 38. Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?

- A. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.
B. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.
C. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.
D. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

Câu 39. Dao động thủy triều lớn nhất vào các ngày nào sau đây?

- A. Trăng tròn và không trăng. B. Trăng khuyết và không trăng.
C. Trăng tròn và trăng khuyết. D. Trăng khuyết đầu, cuối tháng.

Câu 40. Lục địa nào là lục địa lạnh nhất trên Trái Đất?

- A. châu Nam Cực B. châu Á C. châu Âu D. tất cả đều sai

- A. Victoria. B. Michigan. C. Gấu lớn. D. Bai-kan.

Câu 50. Châu Nam Cực là châu lục lớn thứ mấy trên thế giới?

- A. Thứ nhất B. Thứ hai C. Thứ ba D. Thứ tư

Câu 51. Nước trên Trái Đất phân bố chủ yếu ở

- A. Các dòng sông lớn. B. Ao, hồ, vũng vịnh.
C. Biển và đại dương. D. Băng hà, khí quyển.

Câu 52. Cho bản đồ sau:

Hình: Các dòng biển nóng, lạnh trên thế giới



Em hãy căn cứ vào hình cho biết một trong những nguyên nhân hình thành hoang mạc Xa-ha-ra rộng lớn ở Bắc Phi là do:

- A. Các dòng biển nóng chạy ven bờ phía Đông lục địa.
B. Phần lớn lãnh thổ nằm trong vùng khí hậu ôn đới.
C. Các dòng biển lạnh chạy ven bờ phía Tây lục địa.
D. Các khối khí áp cao thống trị quanh năm ở châu Phi.

Câu 53. Băng hà tập trung chủ yếu ở

- A. Cực Bắc B. Bắc Á. C. Châu Nam cực. D. Bắc Mỹ.

Câu 54. Nước biển và đại dương có những vận động nào sau đây?

- A. Dòng biển, sóng và ngư trường. B. Sóng, thủy triều và dòng biển.
C. Thủy triều, dòng biển và muối. D. Độ muối, sóng và thủy triều.

Câu 55. Dòng biển nào sau đây là dòng biển lạnh?

- A. Dòng biển Gơn-xtrim
B. Dòng biển Bra-xin
C. Dòng biển Ca-li-phóc-ni-a
D. Dòng biển Đông Úc

Câu 56. Trên Trái Đất diện tích lục địa chiếm khoảng

- A. 1/2. B. 1/4. C. 2/3. D. 4/5.

Câu 57. Mực nước ngầm phụ thuộc vào các yếu tố nào dưới đây?

- A. Nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi.
B. Độ cao địa hình, bề mặt các dạng địa hình.
C. Các hoạt động sản xuất của con người.
D. Vị trí trên mặt đất và hướng của địa hình.

Câu 58. Đại dương nào lớn nhất trên Trái Đất?

- A. Thái Bình Dương
B. Đại Tây Dương
C. Ấn Độ Dương
D. Bắc Băng Dương

Câu 59. Loại đất nào sau đây thường được dùng để trồng cây công nghiệp lâu năm?

- A. Đất đỏ badan.
B. Đất phù sa.
C. Đất cát pha
D. Đất xám.

Câu 60. Thành phần khoáng của lớp đất có đặc điểm là?

- A. Chiếm 1 tỉ lệ nhỏ trong đất.
B. Gồm những hạt có màu sắc loang lổ và kích thước to nhỏ khác nhau.
C. Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng là sinh vật.
D. Tồn tại trên cùng của lớp đất đá.

Câu 61. Thành phần hữu cơ chiếm bao nhiêu trọng lượng của đất?

- A. Chiếm một tỉ lệ lớn
B. Chiếm 50%
C. Chiếm một tỉ lệ nhỏ
D. Chiếm hơn 80%

Câu 62. Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất là

- A. Khí hậu. B. Địa hình. C. Đá mẹ. D. Sinh vật.

Câu 63. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới ôn hòa?

- A. Gió Tín phong.
B. Gió Đông cực.

C. Gió Tây ôn đới.

D. Gió Tây Nam.

Câu 64. Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là

A. Sinh vật.

B. Đá mẹ.

C. Địa hình.

D. Khí

hậu.

Câu 65. Có bao nhiêu nhân tố hình thành đất?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 3 yếu

tố bên trong và 1 yếu tố bên ngoài

Câu 66. Thành phần hữu cơ của lớp đất có đặc điểm nào sau đây?

A. Chiếm một tỉ lệ lớn trong lớp đất.

B. Thành phần quan trọng nhất của đất.

C. Tồn tại ở giữa các khe hở của đất.

D. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất.

Câu 67. Thành phần hữu cơ nằm ở tầng nào của lớp đất?

A. Giữa tầng chứa mùn

B. Tồn tại trong tầng trên cùng của lớp đất.

C. Nằm ở tầng tích tụ

D. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất

Câu 68. Đất không có tầng nào sau đây?

A. Hữu cơ.

B. Đá mẹ.

C. Tích tụ.

D. Vô cơ.

Câu 69. Vùng núi cao quá trình hình thành đất yếu vì?

A. Trên núi cao áp suất không khí nhỏ

B. Nhiệt độ thấp nên quá trình phong hoá chậm

C. Lượng mùn ít

D. Độ ẩm quá cao

Câu 70. Ở khu vực rừng nhiệt đới ẩm có loại đất nào sau đây?

A. Xám.

B. Feralit.

C. Đen.

D.

Pốtđôn.

Câu 71. Thành phần khoáng chiếm bao nhiêu trọng lượng của đất?

A. Chiếm phần lớn trọng lượng của đất.

- B. Bằng trung bình trọng lượng của đất.
- C. Chiếm hết trọng lượng của đất.
- D. Chiếm ít trọng lượng của đất.

Câu 72. Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là?

- A. đá mẹ.
- B. địa hình.
- C. khí hậu.
- D. sinh vật.

Câu 73. Các thành phần chính của lớp đất là

- A. Không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.
- B. Cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
- C. Chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
- D. Nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 74. Thổ nhưỡng có mấy thành phần?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 75. Thổ nhưỡng là gì?

- A. Lớp vật chất vụn bở trên bề mặt lục địa, hình thành từ quá trình phong hóa.
- B. Lớp vật chất tươi xốp ở bề mặt lục địa và các đảo, được đặc trưng bởi độ phì.
- C. Lớp vật chất vụn bở, trên đó con người tiến hành các hoạt động trồng trọt.
- D. Lớp vật chất tự nhiên, được con người cải tạo đưa vào sản xuất nông nghiệp.

Câu 76. Trong sản xuất nông nghiệp, loại đất dùng để trồng cây công nghiệp lâu năm?

- A. Đất cát pha
- B. Đất xám
- C. Đất phù sa bồi đắp
- D. Đất đỏ badan

Câu 77. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

- A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.
- B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.
- C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

Câu 78. Sự phát triển và phân bố thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của động vật do?

- A. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
- B. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật
- C. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật
- D. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ

Câu 79. Dân cư thế giới thường phân bố thưa thớt ở khu vực vùng núi, cao nguyên cụ thể là vì

- A. địa hình bằng phẳng thuận lợi cho việc sinh sống.
- B. địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn.
- C. khí hậu mát mẻ, ổn định.
- D. tập trung nhiều loại khoáng sản.

Câu 80. Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Miền núi, mỏ khoáng sản.
- B. Vùng đồng bằng, ven biển.
- C. Các thung lũng, hẻm vực.
- D. Các ốc đảo và cao nguyên.

Câu 81. Nhân tố nào sau đây được cho là giúp con người mở rộng phạm vi sinh sống trên Trái Đất?

- A. sự phân bố tài nguyên thiên nhiên.
- B. tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- C. sự phát triển của y tế.
- D. chính sách phân bố dân cư.

Câu 82. Ở châu Phi, dân cư tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Đông Phi.
- B. Tây Phi.
- C. Bắc Phi.
- D. Nam Phi.

Câu 83. Khu vực nào của châu Á dưới đây thực tế có dân cư phân bố thưa thớt nhất?

- A. Nam Á.
- B. Bắc Á.
- C. Đông Á.
- D. Đông Nam Á.

B. TỰ LUẬN

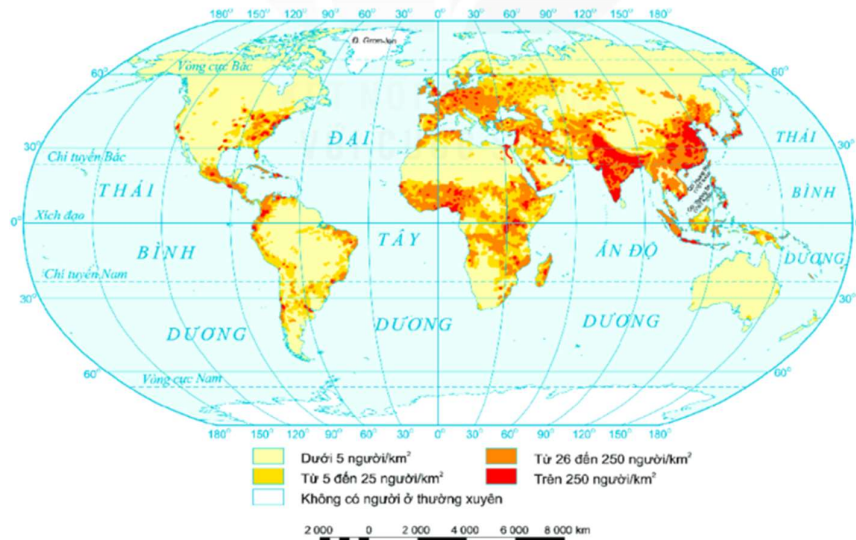
Câu 84. (1,5điểm)

- a. Trình bày đặc điểm phân bố của rừng nhiệt đới?
- b. Tại sao rừng nhiệt đới có cấu trúc tầng tán phức tạp?

Câu 85. (1,5 điểm) Hãy trình bày ảnh hưởng đến sự hình thành đất của các nhân tố: đá mẹ, khí hậu và sinh vật?

Câu 86. (1,5 điểm)

a. Dựa vào lược đồ phân bố dân cư thế giới hãy cho biết: Dân cư trên thế giới thường tập trung đông đúc ở những khu vực nào? Vì sao?



Hình 2. Phân bố dân cư thế giới, năm 2018

b. Em hãy kể tên những việc mà em và gia đình em có thể làm để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên nơi em sống?

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Công dân là

- A. người dân của một nước, có các quyền và nghĩa vụ được pháp luật qui định.
- B. người dân của một nước, được hưởng tất cả các quyền theo pháp luật qui định.
- C. người dân của một nước, phải làm tất cả các nghĩa vụ được pháp luật qui định.
- D. người dân của nhiều nước, có các quyền và nghĩa vụ được pháp luật qui định

Câu 2. Công dân là người dân của một nước, theo qui định của pháp luật

- A. được hưởng quyền và làm nghĩa vụ.
- B. phải có trách nhiệm với cộng đồng.
- C. phải có nghĩa vụ với cộng đồng.
- D. được hưởng tất cả quyền mình muốn.

Câu 3. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch

- A. nhiều nước.
- B. nước ngoài.
- C. quốc tế.
- D. Việt Nam.

Câu 4. Quốc tịch là

- A. căn cứ xác định công dân của một nước.
- B. căn cứ xác định công dân của nhiều nước.
- C. căn cứ xác định công dân của nước ngoài.
- D. căn cứ để xác định công dân đóng thuế.

Câu 5. Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước, thể hiện mối quan hệ giữa

- A. Nhà nước và công dân nước đó.
- B. công dân và công dân nước đó.
- C. tập thể và công dân nước đó.
- D. công dân với cộng đồng nước đó.

Câu 6. Công dân là người dân của một nước, có các quyền và nghĩa vụ theo

- A. tập tục qui định.
- B. pháp luật qui định.
- C. chuẩn mực của đạo đức.
- D. phong tục tập quán.

Câu 7. Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. tất cả những người có quốc tịch Việt Nam.
- B. tất cả những người Việt dù sinh sống ở quốc gia nào.
- C. tất cả những người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

D. tất cả những người có quyền và nghĩa vụ do Nhà nước Việt Nam qui định.

Câu 8. Công dân mang quốc tịch Việt Nam là

- A.** người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.
- B.** trẻ em sinh ở Việt Nam, có mẹ là người Việt Nam và cha không rõ là ai.
- C.** trẻ em sinh ra ở Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.
- D.** tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 9. Người nào dưới đây **không** phải là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A.** trẻ em sinh ra ở Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.
- B.** người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.
- C.** người không quốc tịch, sống và làm việc ở Việt Nam.
- D.** trẻ em sinh ra ở Việt Nam, có mẹ là người Việt Nam và cha không rõ là ai.

Câu 10. Công dân mang quốc tịch Việt Nam là

- A.** người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.
- B.** người không quốc tịch, sống và làm việc ở Việt Nam.
- C.** người nước ngoài sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.
- D.** chuyên gia người nước ngoài làm việc lâu năm tại thổ Việt Nam.

Câu 11. Người nào dưới đây **không** phải là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A.** Trẻ em có cha mẹ là công dân của Việt Nam.
- B.** Người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.
- C.** Người nước ngoài sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.
- D.** Trẻ em sinh ra ở Việt Nam, có mẹ là người Việt Nam, cha không rõ là ai.

Câu 12. Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A.** người có quyền và nghĩa vụ do Nhà nước Việt Nam qui định.
- B.** người không quốc tịch, sống và làm việc ở Việt Nam.
- C.** người nước ngoài sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.
- D.** trẻ em sinh trên lãnh thổ Việt Nam, có cha mẹ là người Việt Nam.

Câu 13. Trường hợp nào dưới đây là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A.** Bố mẹ H là người Nga đến Việt Nam làm ăn sinh sống.
- B.** Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi ở Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai.
- C.** Ông X là chuyên gia nước ngoài làm việc lâu năm tại Việt Nam.

D. Con của bà Z có quốc tịch Mỹ sống ở Việt Nam, bố chưa rõ là ai.

Câu 14. Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây?

A. Công dân là những người sống trên một đất nước.

B. Công dân là những người sống trên một đất nước có cùng màu da và tiếng nói.

C. Công dân là những người mang quốc tịch của quốc gia, có các quyền và nghĩa vụ do pháp luật qui định.

D. Công dân là những người được hưởng quyền và làm tất cả các nghĩa vụ do pháp luật qui định.

Câu 15. Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất cả những người

A. có quốc tịch Việt Nam.

B. sống trên một đất nước.

C. làm việc và sống ở Việt Nam.

D. có quyền và nghĩa vụ theo qui định.

Câu 16. Trường hợp nào dưới đây trẻ em là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Trẻ em sinh ra có cha và mẹ là công dân Việt Nam.

B. Trẻ em bị bỏ rơi tại Việt Nam không rõ cha mẹ là ai.

C. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.

D. Tất cả những trường hợp trên.

Câu 17. Ở Việt Nam quốc tịch của một người được ghi nhận vào giấy tờ nào sau đây?

A. Căn cước công dân.

B. Giấy khi sinh.

C. Hộ chiếu.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 18. Trường hợp nào sau đây **không** là công dân nước CHXHCN Việt Nam?

A. Trẻ em bị bỏ rơi.

B. Trẻ em bị mất cha.

C. Người bị phạt tù chung thân.

D. Trẻ em là con nuôi.

Câu 19. Đối với công dân, nhà nước có vai trò như thế nào trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật?

A. Bảo vệ và bảo đảm.

B. Bảo vệ và duy trì.

C. Duy trì và phát triển.

D. Duy trì và bảo đảm.

Câu 20. Để phân biệt người Việt Nam và người nước ngoài ta căn cứ vào đâu?

- A. Luật Quốc tịch Việt Nam.
- B. Luật hôn nhân và gia đình.
- C. Luật đất đai.
- D. Luật trẻ em.

Câu 21. Bố mẹ bạn A là người Mỹ đến Việt Nam làm ăn, sinh sống. Vì thế bạn A được lớn lên ở Việt Nam. Trong trường hợp này, theo em bạn A là người mang quốc tịch nước nào?

- A. Bạn A là người Việt gốc Mỹ.
- B. Bạn A là người mang quốc tịch Mỹ.
- C. Bạn A là công dân của Việt Nam.
- D. Bạn A có hai quốc tịch Việt – Mỹ.

Câu 22. Vào buổi sáng sớm hai vợ chồng bà A đi tập thể dục. Đi được một đoạn thì thấy tiếng trẻ khóc. Hai vợ chồng bà A nghĩ đây là đứa trẻ nhà hàng xóm, nên đi tiếp, nhưng càng lại gần cái làn phía trước thì tiếng trẻ khóc to hơn, bà nhìn vào thì thấy một đứa trẻ sơ sinh bị bỏ rơi. Thương đứa bé không ai chăm sóc nên hai vợ chồng bà A đã bế về nhà, làm các thủ tục nhận bé làm con nuôi hợp pháp. Trong trường hợp này, em bé là người mang quốc tịch nào?

- A. Mang quốc tịch giống vợ chồng bà A.
- B. Không có quốc tịch vì không biết bố mẹ đẻ là ai.
- C. Có thể mang nhiều quốc tịch khác nhau.
- D. Để sau lớn em bé đó tự quyết định quốc tịch của mình.

Câu 23. Mẹ L là người không có quốc tịch, còn cha không rõ là ai. L sinh ra ở Việt Nam. L và mẹ thường trú ở Việt Nam. Trong trường hợp này, theo em L mang quốc tịch nước nào?

- A. Bạn L là người không có quốc tịch giống mẹ.
- B. Bạn L có thể mang nhiều quốc tịch khác nhau.
- C. Bạn L là có quốc tịch nước ngoài.
- D. Bạn L là người có quốc tịch Việt Nam.

Câu 24. Bố của bạn X là người Việt Nam, mẹ là người Anh. Bạn X sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Trong trường hợp này, theo em X mang quốc tịch nước nào?

- A. Bạn X có thể mang quốc tịch của bố hoặc mẹ.
- B. Để sau lớn X tự quyết định quốc tịch của mình.
- C. Bạn X là có quốc tịch Anh như mẹ.

D. Bạn X là người có quốc tịch Việt Nam giống bố.

Câu 25. Chị H lấy chồng là anh X có quốc tịch Canada. Vợ chồng chị H sinh sống ở Việt Nam và không có ý định cư trú tại Canada nên anh X muốn nhập quốc tịch Việt Nam. Vậy để được nhập quốc tịch Việt Nam thì anh X cần phải đảm bảo điều kiện gì?

- A.** Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- B.** Tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam.
- C.** Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.
- D.** Cả A, B, C đều đúng.

Câu 26. Những lợi ích cơ bản mà trẻ em được hưởng và được Nhà nước bảo vệ là nội dung khái niệm

- A.** Quyền lợi cơ bản của trẻ em.
- B.** Trách nhiệm cơ bản của trẻ em
- C.** Bồn phận cơ bản của trẻ em.
- D.** Nghĩa vụ cơ bản của trẻ em.

Câu 27. Những quyền được sống và đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại thuộc nhóm quyền

- A.** tham gia của trẻ em.
- B.** bảo vệ của trẻ em.
- C.** sống còn của trẻ em.
- D.** phát triển của trẻ em.

Câu 28. Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và căn cứ Luật Trẻ em năm 2016. Theo đó, quyền cơ bản của trẻ em được chia làm mấy nhóm cơ bản?

- A.** Ba nhóm cơ bản.
- B.** Bốn nhóm cơ bản.
- C.** Sáu nhóm cơ bản.
- D.** Mười nhóm cơ bản.

Câu 29. Những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột, xâm hại thuộc nhóm quyền

- A.** sống còn của trẻ em.
- B.** phát triển của trẻ em.
- C.** tham gia của trẻ em.
- D.** bảo vệ của trẻ em.

Câu 30. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền sống còn của trẻ em?

- A.** Quyền được khai sinh.
- B.** Quyền nuôi dưỡng.
- C.** Quyền chăm sóc sức khỏe.
- D.** Cả A, B, C đều đúng.

Câu 31. Những quyền nhằm đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển một cách toàn diện của trẻ em thuộc nhóm quyền

- A.** bảo vệ của trẻ em.
- B.** phát triển của trẻ em.
- C.** sống còn của trẻ em.
- D.** tham gia của trẻ em.

Câu 32. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền bảo vệ của trẻ em?

- A. Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục.
- B. Quyền được bảo vệ để không bị bắt cóc.
- C. Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 33. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền phát triển của trẻ em?

- A. Quyền học tập.
- B. Quyền vui chơi, giải trí.
- C. Quyền phát triển năng khiếu.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 34. Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em ra đời năm nào?

- A. 1989.
- B. 1998.
- C. 1986.
- D. 1987.

Câu 35. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền tham gia của trẻ em?

- A. Quyền được phát biểu ý kiến thể hiện quan điểm của mình.
- B. Quyền được lắng nghe những việc liên quan đến mình.
- C. Quyền được được kết giao bạn bè.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 36. Những quyền được tham gia vào những công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em thuộc nhóm quyền

- A. bảo vệ của trẻ em.
- B. phát triển của trẻ em.
- C. tham gia của trẻ em.
- D. sống còn của trẻ em.

Câu 37. Ở Châu Á, Việt Nam là nước thứ mấy phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em?

- A. Thứ hai.
- B. Thứ nhất.
- C. Thứ tư.
- D. Thứ ba.

Câu 38. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền tham gia của trẻ em?

- A. Trẻ em có quyền có quốc tịch.
- B. Trẻ em mồ côi được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ.
- C. Trẻ em được viết thư kết bạn, giao lưu với bạn bè.
- D. Trẻ em được tiêm phòng vacxin theo qui định của Nhà nước.

Câu 39. Quyền cơ bản của trẻ em bao gồm các nhóm quyền nào?

- A. Nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, phát triển và tham gia.
- B. Nhóm quyền: sống còn, học tập, phát triển và vui chơi.
- C. Nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, vui chơi và phát triển.
- D. Nhóm quyền: sống còn, vui chơi, giải trí và phát triển.

Câu 40. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền tham gia của trẻ em?

- A. Trẻ em được bảo vệ, chống lại việc bóc lột, xâm hại.
- B. Trẻ em có năng khiếu múa hát được học ở các trường nghệ thuật.
- C. Trẻ em được tiêm phòng vacvin theo qui định của Nhà nước.

D. Trẻ em được có quyền được bày tỏ ý kiến, quan điểm cá nhân.

Câu 41. Việc làm nào dưới đây là việc làm **không** đúng với quyền trẻ em?

A. Tổ chức việc làm cho trẻ có khó khăn.

B. Dạy học ở lớp học tình thương cho trẻ.

C. Bắt trẻ em làm việc nặng quá sức.

D. Tổ chức tiêm phòng dịch cho trẻ.

Câu 42. Quyền nào dưới đây **không** thuộc nhóm quyền sống còn của trẻ em?

A. Trẻ em có quyền có quốc tịch.

B. Trẻ em đến tuổi đi học được tới trường.

C. Trẻ em mồ côi được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ.

D. Trẻ em được tiêm phòng vacvin theo qui định của Nhà nước.

Câu 43. Việc làm nào sau đây là việc làm thực hiện quyền trẻ em?

A. Tổ chức trại hè cho trẻ em.

B. Lợi dụng trẻ em để buôn bán ma túy.

C. Bắt trẻ em làm việc nặng quá sức.

D. Cha mẹ li hôn, không ai chăm sóc con cái.

Câu 44. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền bảo vệ của trẻ em?

A. Trẻ em không phải làm công việc nặng nhọc.

B. Trẻ em mồ côi được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ.

C. Trẻ em được viết thư kết bạn, giao lưu với bạn bè.

D. Trẻ em được có quyền được bày tỏ ý kiến cá nhân.

Câu 45. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền phát triển của trẻ em?

A. Trẻ em được bảo vệ, chống lại việc bóc lột, xâm hại.

B. Trẻ em khuyết tật được học tại các trường chuyên biệt.

C. Trẻ em được viết thư kết bạn, giao lưu với bạn bè.

D. Trẻ em được tiêm phòng vacvin theo qui định của Nhà nước.

Câu 46. Quyền nào dưới đây **không** thuộc nhóm quyền phát triển của trẻ em?

A. Trẻ em đến tuổi đi học được tới trường.

B. Trẻ em khuyết tật được học tại các trường chuyên biệt.

C. Trẻ em được viết thư kết bạn, giao lưu với bạn bè.

D. Trẻ em có năng khiếu múa hát được học ở các trường nghệ thuật.

Câu 47. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền sống còn của trẻ em?

A. Trẻ em có quyền có quốc tịch.

B. Trẻ em mồ côi được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ.

C. Trẻ em được tiêm phòng vacvin theo qui định của Nhà nước.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 48. Ý kiến nào dưới đây là **không** đúng khi nói về quyền của trẻ em?

A. Trẻ em còn nhỏ, sức khỏe còn yếu nên không cần phải làm bất cứ việc gì.

B. Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị xâm hại.

C. Trẻ em có quyền được tìm hiểu thông tin, viết thư kết bạn, giao lưu với bạn bè.

D. Trẻ em được đối xử công bằng, không phân biệt nam - nữ, giàu – nghèo.

Câu 49. Quyền nào dưới đây thuộc nhóm quyền sống còn của trẻ em?

A. Trẻ em đến tuổi đi học được tới trường.

B. Trẻ em mồ côi được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ.

C. Trẻ em được viết thư kết bạn, giao lưu với bạn bè.

D. Trẻ em không phải làm công việc nặng nhọc.

Câu 50. Quyền trẻ em là tất cả

A. những gì trẻ em mong muốn.

B. những điều trẻ em yêu cầu người lớn phải làm cho mình.

C. những gì trẻ em cần có để sống và lớn lên một cách lành mạnh và an toàn.

D. trẻ em được tự do quyết định mọi việc theo sở thích của cá nhân mình.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Hãy cho biết những căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Câu 2: Em hãy viết khoảng nửa trang giấy về nghĩa vụ của học sinh và những việc em đã làm để thực hiện nghĩa vụ đó.

Câu 3: Em hãy kể một tấm gương thực hiện tốt quyền trẻ em. Em học được điều gì từ tấm gương đó?

MÔN CÔNG NGHỆ 6

I/ TRẮC NGHIỆM: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Trang phục có vai trò nào sau đây

- A. Bảo vệ, tôn vẻ đẹp và biết một số thông tin người mặc
- B. Giúp con người cảm thấy đẹp hơn
- C. Giúp con người tránh thú dữ
- D. Giúp con người cảm thấy tự tin hơn

Câu 2. Quần áo mang phong cách thể thao thường kết hợp với loại giày gì ?

- A. Giày cao gót
- B. Bốt
- C. Giày búp bê
- D. Giày thể thao

Câu 3. Mặt bếp được làm bằng:

- A. Kính chịu nhiệt, có độ bền cao
- B. Sợi carbon siêu bền
- C. Thủy tinh chịu lực
- D. Đáp án khác

Câu 4. Loại đèn điện nào tiết kiệm điện năng nhất?

- A. Đèn sợi đốt
- B. Đèn huỳnh quang
- C. Đèn compact
- D. Đèn LED

Câu 5. Đồ dùng nào sau đây không phải là đồ dùng điện trong gia đình?

- A. Máy xay sinh tố
- B. Nồi cơm điện
- C. Quạt điện
- D. Xe đạp

Câu 6. Bộ phận nào của nồi cơm điện có dạng hình trụ?

- A. Núm bấm
- B. Dây cắm điện
- C. Nắp nồi
- D. Thân nồi

Câu 7. Công dụng của bộ phận điều khiển nồi cơm điện là:

- A. Bật chế độ nấu
- B. Tắt chế độ nấu
- C. Chọn chế độ nấu
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8. Em chọn chế độ nấu, tăng giảm nhiệt độ ở bộ phận nào của bếp hồng ngoại?

- A. Mặt bếp
- B. Bảng điều khiển
- C. Thân bếp
- D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 9. Máy sấy có ghi: 220V – 1000W. Hãy đọc thông số kỹ thuật trên?

- A. Điện áp định mức 220V, công suất định mức 1000W
- B. Công suất định mức 220V, điện áp định mức 1000W
- C. Công suất định mức 220V, dung tích 1000W
- D. Điện áp định mức 220V, dung tích 1000W

Câu 10. Robot hút bụi là đồ dùng điện trong gia đình vì:

- A. Là sản phẩm công nghệ, phục vụ sinh hoạt trong gia đình
- B. Phục vụ sinh hoạt trong gia đình, hoạt động bằng năng lượng điện
- C. Là sản phẩm công nghệ, hoạt động bằng năng lượng điện
- D. Là sản phẩm công nghệ, hoạt động bằng năng lượng điện, phục vụ sinh hoạt trong gia đình

Câu 11. Cấu tạo của đèn sợi đốt bao gồm những gì?

- A. Ống thủy tinh, hai điện cực
- B. Sợi đốt, bóng thủy tinh, đuôi đèn
- C. Vỏ bóng, bảng mạch LED, đuôi đèn
- D. Vỏ bóng, sợi đốt, hai điện cực

Câu 12. Thomas Edison đã phát minh ra chiếc đèn điện đầu tiên vào thời gian nào?

- A. Tháng 01/1879
- B. Tháng 02/ 1879
- C. Tháng 03/1789
- D. Tháng 04/1789

Câu 13. Thời trang là gì?

- A. Là những kiểu trang phục được sử dụng phổ biến trong xã hội vào một khoảng thời gian nhất định
- B. Là hiểu và cảm thụ cái đẹp
- C. Là quần áo và các vật dụng đi kèm khác
- D. Là sở thích của cá nhân

Câu 14. Sơ đồ nào sau đây thể hiện nguyên lí làm việc của đèn LED?

- A. Cấp điện cho đèn → Bộ nguồn → Bảng mạch LED
- B. Cấp điện cho đèn → Bảng mạch LED → Bộ nguồn
- C. Bộ nguồn → Cấp điện cho đèn → Bảng mạch LED
- D. Bộ nguồn → Bảng mạch LED → Cấp điện cho đèn

Câu 15. Bộ phận nào của bếp hồng ngoại cung cấp nhiệt cho bếp?

- A. Mâm nhiệt hồng ngoại
- B. Thân bếp
- C. Bảng điều khiển
- D. Mặt bếp

Câu 16. Bên trong của ống thủy tinh của bóng đèn huỳnh quang có phủ lớp gì ?

- A. Lớp đồng
- B. Lớp kẽm
- C. Lớp bột huỳnh quang
- D. Gắn với 1 bảng mạch LED

Câu 17. Mặc đẹp là mặc quần áo như thế nào?

- A. Đắt tiền

- B. Phù hợp vóc dáng, lứa tuổi, hoàn cảnh sử dụng
C. Thật tốt
D. May cầu kì, hợp thời trang

Câu 18. Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng đẹp, trang trọng
B. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng
C. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái
D. Kiểu dáng ôm sát cơ thể

Câu 19. Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác béo ra, thấp xuống?

- A. Màu tối, sẫm
B. Kẻ dọc, hoa nhỏ
C. Vải cứng, dày dặn hoặc mềm vừa phải
D. Vừa sát cơ thể, có đường nét chính dọc thân áo

Câu 20. Đại lượng nào dưới đây là thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình?

- A. Điện áp định mức
B. Công suất định mức
C. Dung tích
D. Tất cả đáp án trên

Câu 21. “Giúp tạo ra ánh sáng dịu, có tác dụng thư giãn, thoải mái và dễ đi vào giấc ngủ” là công dụng của:

- A. Đèn chùm
B. Đèn bàn học
C. Đèn ngủ
D. Đèn ống huỳnh quang

Câu 22. Thông số kĩ thuật đặc trưng nào sau đây là của nồi cơm điện?

- A. Điện áp định mức
B. Dung tích
C. Sải cánh
D. Lumen

Câu 23. Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện và các đồ dùng điện trong gia đình là công việc của:

- A. Nghề điện dân dụng
B. thợ xây
C. Kỹ sư xây dựng
D. Kiến trúc sư

Câu 24. Tai nạn giật điện sẽ không xảy ra nếu chúng ta thực hiện việc làm nào sau đây?

- A. Chạm tay vào nguồn điện
B. Cầm, nắm vào vị trí dây dẫn điện bị hỏng lớp vỏ cách điện
C. Tránh xa khu vực có dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống
D. Chạm vào đồ dùng điện bị rò điện ra lớp vỏ bên ngoài

Câu 25. Nên sử dụng trang phục nào để đi dự lễ hội?

- A. Kiểu đơn giản, gọn, dễ hoạt động, màu sắc hài hòa thường may từ vải sợi

pha.

B. Kiểu đơn giản, thoải mái và may từ vải sợi thiên nhiên.

A. Kiểu đơn giản, rộng, dễ hoạt động, màu tối may từ vải sợi bông.

B. Kiểu dáng đẹp, trang trọng, có thể là trang phục truyền thống.

Câu 26. Vải màu đen hoặc trắng có thể phối với màu nào?

A. Trùng với màu chính của vải hoa. B. Màu đối lập.

C. Màu cạnh nhau.

D. Có thể kết hợp với các màu bất kì.

Câu 27. Người có tính cách, sở thích giản dị nghiêm túc, lịch sự thường có phong cách thời trang:

A. Cổ điển

B. Thể thao

C. Dân gian

D. Lãng mạn

Câu 28. Hãy cho biết, trang phục nào sau đây thuộc phong cách dân gian?

A. Đồng phục thể thao mùa hè.

B. Váy dạo phố

C. Áo chống nắng

D. Áo dài Tết

Câu 29. Đối với người có vóc dáng cao, gầy cần lựa chọn trang phục có họa tiết như thế nào?

A. Có dạng kẻ sọc ngang hoặc họa tiết lớn.

B. Có dạng kẻ sọc dọc nhỏ hoặc họa tiết nhỏ

C. Có dạng kẻ sọc dọc hoặc họa tiết vừa

D. Hoa nhỏ, màu tối

Câu 30. Cây bông dùng để dệt ra vải sợi nào?

A. Vải sợi len

B. Vải sợi bông (cotton)

C. Vải sợi tổng hợp

D. Vải sợi nhân tạo

Câu 31. Cách phân biệt một số loại vải là:

A. Vò vải

B. Vò vải, đốt sợi vải.

C. Đốt sợi vải.

D. Vò vải, đốt sợi vải, nhúng nước hoặc đọc thành phần sợi vải.

Câu 32. Phân loại trang phục theo công dụng bao gồm:

A. Trang phục mặc hàng ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao, đồng phục, trang phục bảo hộ lao động, trang phục biểu diễn.

B. Trang phục trẻ em, trang phục thanh niên, trang phục trung niên; trang phục mặc thường ngày.

C. Trang phục trẻ em, trang phục thanh niên, trang phục mùa lạnh; trang phục người cao tuổi.

D. Trang phục trẻ em, trang phục nam, trang phục trung niên; trang phục người cao tuổi.

Câu 33. Một số phong cách thời trang phổ biến là:

- A. Phong cách cổ điển, phong cách thể thao, phong cách lãng mạn.
- B. Phong cách cổ điển, phong cách thể thao, phong cách dân gian, phong cách lãng mạn.
- C. Phong cách cổ điển, phong cách dân gian, phong cách lãng mạn.
- D. Phong cách cổ điển, phong cách thể thao, phong cách dân gian.

Câu 34. Đồ dung loại điện quang là?

- A. Máy xay sinh tố
- B. Điều hòa không khí
- C. Đèn sợi đốt
- D. Quạt điện

Câu 35. Đồ dùng loại điện nhiệt là?

- A. Nồi cơm điện
- B. Điều hòa không khí
- C. Đèn sợi đốt
- D. Quạt điện

Câu 36. Trên bàn là điện có ghi: 220 V- 60W con số 60W Có ý nghĩa gì:

- A. Điện áp định mức
- B. Dung tích sống
- C. Công suất định mức
- D. Độ dài sợi cánh

Câu 37. Đồ dùng nào sau đây thuộc đồ dùng loại điện cơ?

- A. Nồi cơm điện.
- B. Đèn sợi đốt.
- C. Bếp điện.
- D. Quạt điện.

Câu 38. Yếu tố nào dưới đây được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho trang phục?

- A. Chất liệu
- B. Kiểu dáng
- C. Màu sắc
- D. Đường nét họa tiết

Câu 39. Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

- A. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.
- B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, một thời trang.
- C. Điều kiện tài chính, một thời trang.
- D. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính.

Câu 40. Loại vải bền, đẹp,giặt mau khô và không bị nhàu, độ hút ẩm thấp, mặc bí" là tính chất của loại vải nào?

- A. Vải sợi pha
- B. Vải sợi nhân tạo
- C. Vải sợi thiên nhiên
- D. Vải sợi tổng hợp

Câu 41. Kiểu áo vừa sát cơ thể sẽ tạo cảm giác:

- A. Béo ra, thấp xuống
- B. Thấp xuống, gầy đi
- C. Gầy đi, cao lên
- D. Béo ra, cao lên

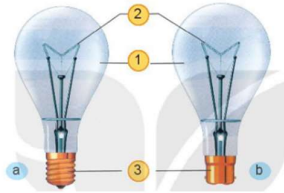
Câu 42. Đèn điện có công dụng gì:

- A. Chiếu sáng
B. Sưởi ấm, Chiếu sáng
C. Trang trí
D. Sưởi ấm, Chiếu sáng, trang trí

Câu 43. Có mấy loại bóng đèn được đề cập đến trong bài đèn điện?

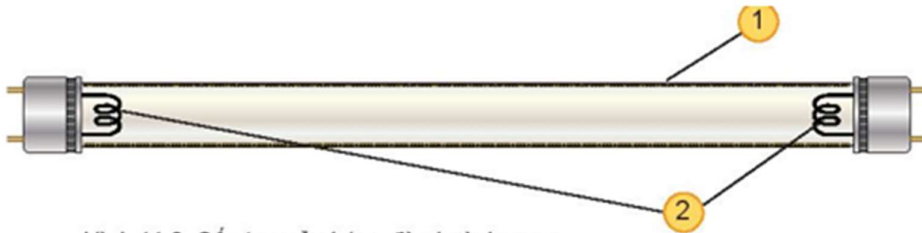
- A. 4
B. 2
C. 3
D. 1

Câu 44. Hãy cho biết tên của vị trí số 1 trong hình sau:



- A. Bóng thủy tinh
B. Sợi đốt
C. Đuôi đèn
D. Dây điện

Câu 45. Vị trí số 2 của hình sau đây thể hiện bộ phận nào của bóng đèn huỳnh quang?



- A. Ống thủy tinh
B. Hai điện cực
C. Chân lưu
D. Tắc te

Câu 46. Cấu tạo của nồi cơm điện gồm mấy bộ phận chính?

- A. 3
B. 4
C. 5
D. 6

Câu 47. Nồi cơm có mấy bộ phận có chức năng bao kín và giữ nhiệt?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 48. là Lựa chọn thương hiệu và cửa hàng uy tín là ưu tiên như thế nào khi mua đồ dùng điện?

- A. 4
B. 3
C. 2
D. 1

Câu 49. Nguyên lí làm việc của nồi cơm điện thực hiện theo sơ đồ nào sau đây?

- A. Nguồn điện → Bộ phận điều khiển → Bộ phận sinh nhiệt → Nồi nấu.
B. Nguồn điện → Nồi nấu → Bộ phận điều khiển → Bộ phận sinh nhiệt
C. Nguồn điện → Bộ phận sinh nhiệt → Nồi nấu → Bộ phận điều khiển
D. Nguồn điện → Bộ phận sinh nhiệt → Bộ phận điều khiển → Nồi nấu

Câu 50. Khi lựa chọn nồi cơm điện cần quan tâm đến:

- A. Dung tích nồi
B. Chức năng của nồi
C. Dung tích và chức năng của nồi
D. Sở thích

Câu 51. Nếu gia đình có 3 người ăn, thì cần lựa chọn nồi cơm có dung tích bao nhiêu?

- A. 0,6 lít B. 1 lít C. 1,8 – 2 lít D. 2 – 2,5 lít

Câu 52. Nấu cơm bằng nồi cơm điện ta thực hiện mấy bước?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 53. Khi sử dụng nồi cơm điện tránh việc làm nào sau đây?

- A. Đặt nồi cơm điện nơi khô ráo.
B. Dùng tay che van thoát hơi của nồi cơm điện khi đang nấu
C. Không dùng tay che van thoát hơi của nồi cơm điện khi đang nấu
D. Không mở nắp nồi để kiểm tra cơm khi đang nấu

Câu 54. Cần làm gì trong bước chuẩn bị nấu cơm bằng nồi cơm điện?

- A. Vo gạo B. Điều chỉnh lượng nước cho đủ
C. Lau khô mặt ngoài nồi nấu D. Cả 3 đáp án còn lại.

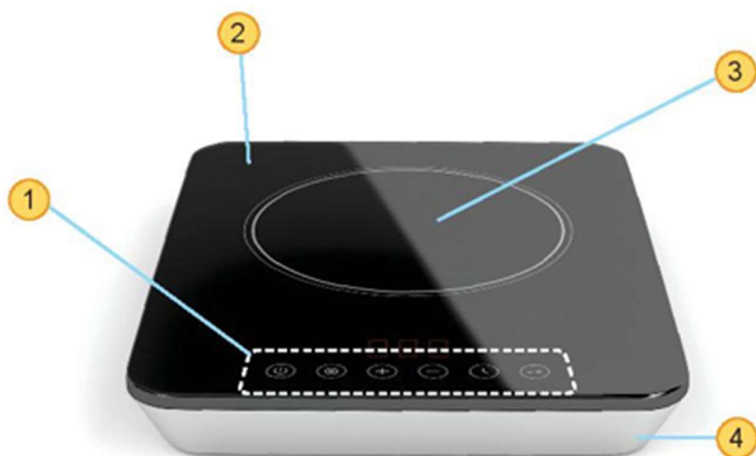
Câu 55. Các công việc ở bước nấu cơm bằng nồi cơm điện là:

- A. Cắm điện
B. Bật công tắc ở chế độ nấu
C. Khi đèn báo chuyển chế độ giữ ấm, có thể rút phích điện tra khỏi ổ và mang đi sử dụng.
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 56. Bếp hồng ngoại có cấu tạo gồm mấy bộ phận chính?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 57. Vị trí số 2 là bộ phận nào của bếp hồng ngoại?



- A. Mặt bếp B. Bảng điều khiển
C. Thân bếp D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 58. Trên bảng điều khiển có:

- A. Nút tăng giảm nhiệt độ B. Nút chọn chế độ nấu
C. Đèn báo D. Cả 3 đáp án trên

Câu 59. Ta sẽ ấn nút nguồn trên bếp hồng ngoại khi thực hiện bước nào sau đây?

A. Chuẩn bị B. Bật bếp C. Tắt bếp D. Bật bếp và tắt bếp

Câu 60. Sử dụng bếp hồng ngoại không được làm việc nào sau đây?

- A. Đặt bếp nơi thoáng mát
- B. Có thể chạm tay lên mặt bếp khi vừa nấu xong
- C. Sử dụng khăn mềm để lau bề mặt bếp
- D. Sử dụng chất tẩy rửa phù hợp để lau mặt bếp

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 61. Bạn Hoa hơi gầy em tư vấn cho bạn lựa chọn trang phục cho phù hợp?

Câu 62. Cho biết tên của các loại đèn sau ?



H.a.....

H.b.....

H.c.....

H.d.....

Câu 63.

1) Nồi cơm điện có ghi: 500 – 1500W; 0,5-1l. Hãy đọc thông số kỹ thuật trên?

2) Em hãy tìm hiểu nguyên nhân gây ra một số hiện tượng trong quá trình nấu cơm sau:

- a) Cơm sau khi nấu bị nhão,
- b) Cơm sau khi nấu bị sống.
- c) Khi mới bắt đầu cầm điện, nồi cơm phát ra tiếng nó lách tách.

Câu 64. Khi sử dụng bếp hồng ngoại em cần lưu ý vấn đề gì?

Câu 65. Đọc thông số kỹ thuật của các đồ dùng điện cho trên hình 10.2, cho biết các đại lượng điện định mức và thông số kỹ thuật đặc trưng của chúng.

Đọc thông số kỹ thuật của các đồ dùng điện cho trên Hình 10.2, cho biết các đại lượng điện định mức và thông số kỹ thuật đặc trưng của chúng.



Hình 10.2. Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện
a) Máy sấy tóc; b) Quạt treo tường; c) Nồi cơm điện

MÔN TIẾNG ANH 6

I/ Vocabulary:

- Cities and landmarks.
- Types of houses and appliances in the house.
- Things that can be reduced, reused and recycled.

II/ Pronunciation:

- Sounds: /əʊ/, /aʊ/.
- Stress in two – syllable words

III/ Grammar

- Possessive adjectives
- Possessive pronouns
- Future simple
- Might for future possibility
- Articles
- First conditional

IV/ Skills

- Reading about a holiday postcard.
- Reading about houses and appliances in the future,
- Reading about ways to go green.
- Listening to a description of a city.
- Listening about dream houses
- Listening about ideas for a green club

V/ Everyday English:

- Expressing exclamation with **What**.
- Expressing surprise.
- Giving warnings.

THE END!